BẢN TIN **PHÁP LUẬT**
Tháng 7/2021

TIN TIÊU ĐIỂM

Pháp luật về Giáo dục và đào tạo

Cử nhân thuộc 06 chuyên ngành có thể trở thành giáo viên tiểu học sau khi bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

Thông tư 11/2021/TT-BGDĐT về chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học sẽ có hiệu lực từ ngày 22/5/2021.

Theo đó, người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp (gồm: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ) muốn trở thành giáo viên tiểu học chỉ cần tham gia chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cụ thể:

- Để trở thành giáo viên tiểu học, người học sẽ được đào tạo 13 học phần bắt buộc tương đương 31 tín chỉ và chọn 02 học phần trong 07 học phần tự chọn tương đương 04 tín chỉ.
- Hình thức tổ chức bồi dưỡng gồm bồi dưỡng trực tiếp kết hợp với bồi dưỡng trực tuyến.
- Học viên thực hiện trên 80% số tiết trên lớp và hoàn thành các nhiệm vụ học tập thì được tham dự đánh giá học phần.

Bồi dưỡng người không có bằng sư phạm trở thành giáo viên THCS, THPT

Thông tư 12/2021/TT-BGDĐT (có hiệu lực từ ngày 22/5/2021) ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS, THPT.

Theo đó, những người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp với một trong các môn học của cấp THCS, cấp THPT có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS/THPT; Các tổ chức và cá nhân liên quan có nhu cầu bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

Sau khi hoàn thành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS/THPT, người học có những phẩm chất và năng lực cần thiết, đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy học, giáo dục ở trường THCS/THPT.

Nội dung công khai trong tuyển sinh vào Công an nhân dân

Bộ Công an ban hành Thông tư 44/2021/TT-BCA quy định về thực hiện dân chủ trong tuyển sinh vào Công an nhân dân.

Theo đó, các thông tin sau phải được công khai trong tuyển sinh vào Công an nhân dân:

- Quy định về chỉ tiêu, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển, phương thức tuyển sinh, ngành, chuyên ngành đào tạo, các môn thi tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào;
- Thủ tục hồ sơ, mức thu dịch vụ tuyển sinh đối với các trình độ, loại hình đào tạo của các trường Công an nhân dân;
- Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ; thời gian thi tuyển, xét tuyển; địa điểm thi tuyển, xét tuyển; thời gian chiêu sinh, nhập học; thông tin cán bộ tuyển sinh;
- Kết quả sơ tuyển, phúc tra sơ tuyển, điểm thi, điểm phúc khảo, điểm xét tuyển cho thí sinh; kết quả xét tuyển và thí sinh trúng tuyển (theo số báo danh);
- Các nội dung khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

Thông tư 44/2021/TT-BCA có hiệu lực thi hành từ 16/6/2021.

Pháp luật về Công chức, viên chức và người lao động

Sửa đối tượng hưởng chế độ nâng bậc lương

Khoản 1 Điều 1 Thông tư 03 quy định như sau: *Những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang*

Hiện nay, đối tượng áp dụng của chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước hạn nêu tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.

Như vậy, có thể thấy, quy định mới tại Thông tư 03/2021 giúp dễ dàng xác định đối tượng áp dụng của chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước hạn với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Đồng thời, phải đáp ứng đồng thời hai điều kiện sau đây thì mới thuộc diện xét nâng bậc lương:

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;
- Trong hợp đồng lao động có thỏa thuận về chế độ tiền lương với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Thêm trường hợp tính xét nâng bậc lương thường xuyên

Khoản 2 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV bổ sung thêm trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên là thời gian cán bộ,

công chức, viên chức và người lao động tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự.

Như vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư 08/2013/TT-BNV, các trường hợp vẫn đang áp dụng được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên gồm:

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương;
- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản;
- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc);
- Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

Như vậy, từ 15/8/2021, có tới năm trường hợp được tính vào thời gian xét nâng bậc lương thường xuyên.

Chính thức bỏ chứng chỉ ngoại ngữ, tin học với công chức hành chính, văn thư

Bộ Nội vụ vừa ban hành Thông tư 02/2021/TT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

Theo đó, kể từ ngày Thông tư 02/2021/TT-BNV có hiệu lực thi hành (ngày 01/8/2021), *không còn quy định yêu cầu về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học* trong tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức hành chính, văn thư.

Thay vào đó, yêu cầu công chức hành chính có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ phù hợp tùy theo yêu cầu trong tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của từng ngạch.

Pháp luật về Y tế và Bảo hiểm

Về thanh toán BHYT đối với xét nghiệm Covid-19

Thời điểm và đối tượng thanh toán BHYT: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Mức giá thanh toán: Thực hiện thanh toán theo mức giá dịch vụ số 1735: xét nghiệm vi khuẩn/virus/vi nấm/ký sinh trùng Real-time PCR quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế là 734.000 đồng/1 mẫu xét nghiệm.

Thanh toán đối với trường hợp mẫu đơn: Tiếp tục áp dụng mức giá dịch vụ 1735: xét nghiệm vi khuẩn/vi rus/vi nấm/ký sinh trùng Real-time PCR quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của

Bộ Y tế là 734.000 đồng/1 mẫu xét nghiệm. Trong trường hợp đơn vị lấy mẫu phải gửi mẫu xét nghiệm cho đơn vị khác thực hiện, Bộ Y tế đề xuất tạm tính và đề nghị thanh toán BHYT theo cơ cấu như sau:

- Mức giá dịch vụ lấy và bảo quản bệnh phẩm: 117.800 đồng/mẫu;
- Mức giá thực hiện xét nghiệm: 616.200 đồng/mẫu.

Thanh toán đối với mẫu gộp: trong khi Bộ Y tế chưa ban hành được định mức KTKT làm cơ sở để xây dựng giá dịch vụ áp dụng trong trường hợp gộp mẫu, Bộ Y tế tạm thời hướng dẫn như sau:

- Mức giá của việc lấy và bảo quản bệnh phẩm: 100.000 đồng/mẫu
- Mức giá việc thực hiện xét nghiệm bằng 634.000 đồng chia cho số mẫu gộp. (ví dụ nếu gộp 5 mẫu vào 1 xét nghiệm thì chia 5, gộp 10 mẫu thì chia 10...).
- Trường hợp gộp mẫu phát hiện dương tính, phải tiếp tục làm các xét nghiệm mẫu đơn thì chi phí thực hiện xét nghiệm được tính tiếp theo trường hợp mẫu đơn.

*** Đối với đối tượng không thanh toán BHYT**

Trường hợp mẫu đơn: Theo đó, mức giá tối đa của dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR từ bệnh phẩm dịch hầu họng (áp dụng cho mẫu đơn) là 734.000 đồng/ 1 mẫu xét nghiệm, trong đó:

- Mức giá dịch vụ lấy và bảo quản bệnh phẩm: tối đa 117.800 đồng/mẫu;
- Mức giá xét nghiệm: tối đa 616.200 đồng/mẫu.

Trường hợp gộp mẫu:

- Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định mức giá cụ thể của dịch vụ 1735 nêu trên có định mức kinh tế kỹ thuật thì xác định chi phí lấy mẫu, chi phí xét nghiệm theo định mức; trường hợp không có định mức thì xác định chi phí lấy mẫu và chi phí xét nghiệm tương đương với tỷ lệ cơ cấu chi phí nêu trên.
- Trường hợp không có quyết định phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật, Bộ Y tế hướng dẫn tạm thời chi phí thực hiện xét nghiệm như sau:

+ Mức giá tối đa của việc lấy và bảo quản bệnh phẩm: 100.000 đồng/mẫu.

+ Mức tối đa của việc thực hiện xét nghiệm với mẫu gộp là 634.000 đồng chia cho số mẫu gộp.

Ví dụ, đơn vị được cấp có thẩm quyền quyết định mức giá của dịch vụ là 734.000 đồng (theo mức giá tối đa của dịch vụ số 1735 nên trên) thì:

+ Chi phí lấy mẫu: 100.000 đồng;

+ Chi phí xét nghiệm: bằng 634.000 đồng chia cho số mẫu gộp để thực hiện xét nghiệm; nếu gộp 5 mẫu vào 1 xét nghiệm thì chia 5, gộp 10 mẫu thì chia 10....

- Trường hợp mẫu gộp phát hiện dương tính, phải tiếp tục làm các xét nghiệm mẫu đơn thì chi phí thực hiện xét nghiệm được tính tiếp theo trường hợp mẫu đơn.

6 nhóm đối tượng được cấp miễn phí thuốc kháng HIV

Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) sửa đổi 2020, có hiệu lực 01/7/2021, theo đó Nhà nước cấp miễn phí thuốc kháng HIV cho các đối tượng sau đây:

+ Người bị phơi nhiễm với HIV, bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp;

+ Người bị phơi nhiễm với HIV, bị nhiễm HIV do rủi ro của kỹ thuật y tế;

+ Người bị phơi nhiễm với HIV, bị nhiễm HIV do tham gia cứu nạn;

+ Phụ nữ và trẻ em có chỉ định điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con;

+ Trẻ em dưới 06 tuổi nhiễm HIV;

+ Người nhiễm HIV trong cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giam giữ khác".

Pháp luật về Hộ tịch và Tư pháp

Quy định mới về tách hộ để đăng ký thường trú

Luật cư trú 2020, có hiệu lực 01/7/2021, theo đó Thành viên hộ gia đình được tách hộ để đăng ký thường trú tại cùng một chỗ ở hợp pháp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; trường hợp có nhiều thành viên cùng đăng ký tách hộ để lập thành một hộ gia đình mới thì trong số các thành viên đó có ít nhất một người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Được chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đồng ý, trừ trường hợp thành viên hộ gia đình đăng ký tách hộ là vợ, chồng đã ly hôn mà vẫn được cùng sử dụng chỗ ở hợp pháp đó;

+ Nơi thường trú của hộ gia đình không thuộc trường hợp quy định tại Điều 23 của Luật này (Địa điểm không được đăng ký thường trú mới).

Giảm 50% lệ phí cấp căn cước công dân

Ngày 24/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 47/2021/TT-BTC quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có hiệu lực 01/7/2021 và hết hiệu lực 31/12/2021, theo đó: Lệ phí cấp Căn cước công dân Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Điều 4 Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

LUẬT PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA THỐC LÁ

(Luật số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về Phòng chống tác hại của thuốc lá)

Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 bao gồm 5 Chương và 35 Điều.

Phạm vi điều chỉnh của Luật quy định về các biện pháp giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá, biện pháp kiểm soát nguồn cung cấp thuốc lá và điều kiện bảo đảm để phòng, chống tác hại của thuốc lá; Mục tiêu của Luật là hạn chế, giảm dần tỷ lệ người sử dụng thuốc lá, giảm tỷ lệ mắc và chết do các bệnh có nguyên nhân từ TL và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Dưới đây là một số nội dung cơ bản:

1. Về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương trong phòng, chống tác hại của thuốc lá (Điều 6)

- Đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hằng năm, quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ;
- Đưa quy định về việc hạn chế hoặc không hút thuốc lá trong các đám cưới, đám tang, lễ hội trên địa bàn dân cư vào hương ước;
- Gương mẫu thực hiện và vận động cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

2. Quy định quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tác hại của Thuốc lá (Điều 7)

- Người dân được sống, làm việc trong môi trường không có khói thuốc lá; được yêu cầu người hút thuốc lá không hút thuốc tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc; được vận động, tuyên truyền người khác không sử dụng thuốc lá, cai nghiện thuốc lá; được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc; được phản ánh hoặc tố cáo cơ quan, người có thẩm quyền không xử lý hành vi hút thuốc tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm được quy định trong luật (Điều 9)

- Sản xuất, mua bán, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển thuốc lá giả, sản phẩm được thiết kế có hình thức hoặc kiểu dáng như bao, gói hoặc điếu thuốc lá; Mua bán, tàng trữ, vận chuyển nguyên liệu thuốc lá, thuốc lá nhập lậu; Quảng cáo, khuyến mại thuốc lá; tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng dưới mọi hình thức; Tài trợ của tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá, trừ trường hợp tài trợ nhân đạo cho chương trình xóa đói, giảm nghèo; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thảm họa; phòng, chống buôn lậu thuốc lá và không được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc tài trợ đó; Người chưa đủ 18 tuổi sử

dụng, mua, bán thuốc lá; Sử dụng người chưa đủ 18 tuổi mua, bán thuốc lá; Bán, cung cấp thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi; Bán thuốc lá bằng máy bán thuốc lá tự động; hút, bán thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm; Sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em; Vận động, ép buộc người khác sử dụng thuốc lá.

4. Quy định về địa điểm cấm hút thuốc lá

- Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn (Điều 11) bao gồm:

+ Quy định các địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm: Cơ sở y tế; cơ sở giáo dục, trừ các cơ sở quy định tại điểm b, khoản 2, Điều này; cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em; cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao. Phương tiện giao thông công cộng bị cấm hút thuốc lá hoàn toàn bao gồm ôtô, tàu bay, tàu điện;

+ Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm: nơi làm việc, trường đại học, cao đẳng, địa điểm công cộng (trừ các địa điểm công cộng nêu trên và các địa điểm công cộng cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá).

- Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá (Điều 12*):* Khu vực cách ly của sân bay; Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch; Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa.

- Nơi dành riêng cho người hút thuốc lá phải bảo đảm các điều kiện sau đây: Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá; Có dụng cụ chứa các mẩu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát; Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

Thực hiện tốt những quy định này sẽ hạn chế tối đa được tác hại của hút thuốc lá thụ động đến sức khỏe của người không hút thuốc lá cũng như hiệu quả của quy định cấm hút thuốc lá tại địa điểm công cộng đến việc giảm tỷ lệ người hút thuốc lá. Bởi vì hút thuốc lá thụ động là một nguy cơ lớn ảnh hưởng tới sức khoẻ. Khói toả ra từ đầu điếu thuốc lá đang cháy độc hại hơn khói thuốc lá do người hút hít vào vì có chứa nhiều chất độc hại hơn gấp 26 lần do cháy ở nhiệt độ cao và không qua bộ phận lọc.

5. Quy định nghĩa vụ của người hút thuốc lá (Điều 13)

- Không hút thuốc tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc; không hút thuốc lá trong nhà khi có trẻ em, phụ nữ mang thai, người bệnh, người cao tuổi.

6. Quy định quyền và trách nhiệm của người đứng đầu, người quản lý địa điểm cấm hút thuốc lá (Điều 14)

- Có quyền buộc người vi phạm chấm dứt việc hút thuốc lá tại địa điểm cấm hút thuốc lá; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; yêu

cầu người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá ra khỏi cơ sở của mình; từ chối tiếp nhận hoặc cung cấp dịch vụ cho người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá nếu người đó tiếp tục vi phạm sau khi đã được nhắc nhở.

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc mọi người thực hiện đúng quy định về cấm hút thuốc lá tại địa điểm thuộc quyền quản lý, điều hành; treo biển có chữ hoặc biểu tượng cấm hút thuốc lá tại địa điểm cấm hút thuốc lá.

7. Quy định về việc bán thuốc lá (Điều 25)

- Không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, THCS, THPT, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó.

8. Quy định về số lượng điếu thuốc lá trong bao, gói

- Luật quy định: sau 03 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, số lượng điếu thuốc lá đóng gói trong 01 bao thuốc lá không được ít hơn 20 điếu, trừ thuốc lá xì gà và thuốc lá được sản xuất để xuất khẩu. Quy định này làm cơ sở để tiến tới cấm bán các bao thuốc lá dưới 20 điếu trong thời gian tới khi có đủ điều kiện thực tiễn và có tính khả thi. Mục đích của việc cấm đóng gói và bán các sản phẩm thuốc lá dưới 20 điếu là để hạn chế thanh thiếu niên mua thuốc lá hút.

9. Về quản lý, kinh doanh, quy hoạch; đầu tư sản xuất, kiểm soát sản lượng thuốc lá tiêu thụ trong nước

Luật chỉ tập trung vào các biện pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá, không điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc lá thuần túy vì các hoạt động này được thực hiện theo quy định của Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư…. Tuy nhiên, kiểm soát nguồn cung cấp thuốc lá là nhóm biện pháp quan trọng hướng tới giảm nguồn cung cấp thuốc lá một cách chủ động, phù hợp với nhóm biện pháp giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá. Do đó, Luật đã quy định một số biện pháp mang tính nguyên tắc để kiểm soát hoạt động kinh doanh thuốc lá, bao gồm: quản lý kinh doanh thuốc lá (Điều 19); quy hoạch kinh doanh thuốc lá (Điều 20); kiểm soát đầu tư sản xuất thuốc lá (Điều 21); kiểm soát sản lượng thuốc lá tiêu thụ trong nước (Điều 22) và một số biện pháp khác. Đây là cơ sở pháp lý để Chính phủ quy định chi tiết và tổ chức quản lý đối với các hoạt động kinh doanh thuốc lá cụ thể.

10. Quy định ghi nhãn, in cảnh báo sức khỏe trên bao bì thuốc lá

- Thuốc lá được sản xuất, nhập khẩu để tiêu thụ tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu như: không được ghi các từ, cụm từ thể hiện sản phẩm thuốc lá đó ít có hại hoặc làm cho người sử dụng hiểu sai về tác hại của thuốc lá và khói thuốc lá đối với sức khoẻ con người; phải dán tem hoặc in mã số, mã vạch; ghi ngày

sản xuất, ngày hết hạn sử dụng; ghi rõ số lượng điếu đối với bao thuốc lá dạng điếu hoặc trọng lượng đối với các loại thuốc lá khác;

- Bao bì phải in cảnh báo sức khoẻ bằng chữ và hình ảnh bảo đảm rõ ràng, dễ nhìn, dễ hiểu. Cảnh báo sức khỏe phải chiếm ít nhất 50% diện tích của mỗi mặt chính trước và mặt chính sau trên bao, tút, hộp thuốc lá. Nội dung cảnh báo sức khỏe trên bao bì thuốc lá phải mô tả cụ thể tác hại của việc sử dụng thuốc lá đối với sức khỏe và thông điệp thích hợp khác, phải được thay đổi theo định kỳ 02 năm một lần.

Đồng thời, Luật giao Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể về ghi nhãn đối với thuốc lá và trình Chính phủ quyết định tăng % diện tích in cảnh báo sức khỏe phù hợp với từng thời kỳ.

Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013, Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL) đã thể chế hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về PCTHTL, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho công tác PCTHTL trong giai đoạn hiện nay, góp phần hạn chế bệnh tật liên quan đến hút thuốc lá, nâng cao sức khỏe cộng đồng, thực hiện thành công sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Chuyên mục
TƯ VẤN VÀ GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

Mọi câu hỏi thắc mắc về Pháp luật ở các lĩnh vực xin gửi về cho Bộ phận pháp chế Phòng Hành chính - Quản trị hoặc nhắn tin riêng cho cô Nguyễn Thị Thủy Trúc theo địa chỉ email ntttrc@qnamuni.edu.vn.